TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Trang

2. Bà Vũ Thị Hoàn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2018/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXX - ST ngày 01/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Tạ Thị G**, sinh năm 1981; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 23, tổ 4, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: thôn 6, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tạ Thị G trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị G và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 22/6/2001 tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà chung sống tại tổ 4, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung. Đến ngày 01tháng 10 năm 2003 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết, do chị G phát hiện anh T đã sử dụng ma túy từ nhiều năm nay. Chị G đã khuyên nhủ anh T cai nghiện nhưng không được và ngày càng lấn sâu vào nghiện ngập do đó anh T không hỗ trợ chị G trong việc nuôi dạy con chung, vun vén gia đình. Năm 2010 anh T bị Tòa án thành phố Uông Bí xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản. Năm 2014 anh T lại bị bắt vì buôn bán ma túy tại Hải Phòng và thi hành án tại tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian anh T ở trại giam chị G vẫn thăm nuôi và thuốc men cho anh T. Sau khi ra tù anh T không về Quảng Ninh sinh sống cùng chị G và con mà về quê sinh sống với bố mẹ anh T tại thôn 6 xã V huyện K tỉnh Thái Bình, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị G và anh T có 01 con chung Nguyễn Tuấn A sinh ngày 01/12/2001, hiện đang ở cùng chị G. Ly hôn chị G có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị G không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/10/2018,* b*ị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:* về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị G trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh thuê nhà chung sống tại tổ 4, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh và sinh được 01 con. Quá trình chung sống anh T đã 02 lần phải chấp hành án phạt tù về tội trộm cắp tài sản và ma túy. Khoảng tháng 11/2017 anh T chấp hành xong án phạt tù và về xã V sinh sống. Đến ngày 12/9/2018 anh T bị bắt tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Do anh T phải đi chấp hành án tù liên tục nên anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị G xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Tuấn A sinh ngày 01/12/2001 do chị G

nuôi dưỡng. Con chung hiện nay đã lớn, cháu có nguyện vọng ở với anh hay chị G là do cháu quyết định. Trường hợp cháu Tuấn A có nguyện Vọng ở với mẹ cháu thì anh T không cấp dưỡng nuôi con vì không có điều kiện. Vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay nợ chung, không cho vay nợ chung.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị G được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn A sinh ngày 01/12/2001 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Vũ Trung để làm rõ tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con chung, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Tạ Thị G kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T liên tục phải thi hành án phạt tù, sau khi ra tù anh T không về Quảng Ninh chung sống cùng chị G và con chung mà về xã V huyện K tỉnh Thái Bình sinh sống cùng bố mẹ anh T, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị G xin ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn vì cả hai vợ chồng đều cảm thấy không còn tình cảm gì với nhau nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị G và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị G được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]Về quan hệ con chung: Chị G và anh T có 01 con chung là Nguyễn Tuấn A sinh ngày 01/12/2001 do chị G nuôi dưỡng. Ly hôn chị G có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, con chung có đơn đề nghị được ở với chị G. Vì vậy để đảm bảo cho con chung ăn ở và học tập ổn định cần giao cháu Nguyễn Tuấn A cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị G không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị G và anh T không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 , điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Tạ Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/12/2001 cho chị Tạ Thị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Tạ Thị G phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001141 ngày 28/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Tạ Thị G đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- THA huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Thanh Xuân

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- THA huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND phường Cẩm Thạch**,** TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân